

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2024/HS-ST
Ngày 06 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Vân; Ông Huỳnh Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Lê Tùng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 198/2024/TLST-HS ngày 12/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXXST-HS ngày 20/11/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 2002 tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: số C, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị Hồng Đ; Bị cáo sống như vợ chồng với Cũng Công Hoàng T từ năm 2017 đến năm 2021 và có 01 con chung, sinh năm 2018. Hiện sống chung như vợ chồng với Phan Văn L1 và có 01 con chung, sinh năm 2024. Tiền sự: không; Tiền án: ngày 24/8/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 04/6/2022. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phan Văn T1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: số A, khóm T, phường M, Tp.L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1970. Nơi cư trú: số E, khóm T, phường M, Tp.L, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/9/2021, Nguyễn Thị Hương L bị Tòa án nhân thành phố L, tỉnh An Giang xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 04/6/2022 chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

Ngày 12/11/2022, L đi bộ đến nhà của ông Phan Văn T1, bà Nguyễn Thị H số 18/7, tổ I, khóm T, phường M, thành phố L để thăm con, nhưng không có ai ở nhà và không có tiền tiêu xài nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định, L vào nhà ông T1, bà H lấy trộm một máy cắt gạch cầm tay, màu đỏ đang để dưới tủ tivi. Sau đó L đem bán cho ông Lê Hoàng K, số E, khóm T, phường M, thành phố L với giá 200.000 đồng, tiêu xài cá nhân. Sau khi ông T1, bà H phát hiện máy cắt gạch cầm tay mất trộm, nhưng không đến Công an trình báo sự việc. Đến khoảng 22 giờ 50 phút ngày 25/11/2022, L tiếp tục đi bộ đến nhà ông T1, thấy ông T1 và bà H đang ngủ, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, L leo rào vào nhà phát hiện một giỏ xách treo trên tường, nghĩ bên trong có tài sản nên lấy chiếc giỏ đem ra ngoài kiểm tra thì thấy bên trong có một máy phun sơn, do nghĩ máy phun sơn không giá trị nên L không lấy trộm mà để lại. Lúc này, bà H thức giấc truy hô, ông T1 đến giữ L lại và trình báo Công an phường M. Qua làm việc, L tự thú việc lấy trộm 01 máy cắt gạch cầm tay màu đỏ của ông T1.

Kết luận định giá tài sản số 49/KL.HĐ ngày 27/11/2022 và Kết luận định giá tài sản số 1289/KL-HĐĐGTS ngày 29/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thành phố L kết luận: 01 máy phun sơn, nhãn hiệu Tofal T5006 Trung Quốc, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị là 335.000 đồng; 01 máy cắt gạch cầm tay, màu đỏ, chưa thu hồi được có giá trị là 250.000 đồng.

Cáo trạng số: 208/CT-VKSLX ngày 11/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hương L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Hương L từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên không xét đến.

Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Hương L khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không tranh

luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi vừa qua.

Bị hại Phan Văn T1, Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng K vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra, trình bày: Ông T1, bà H bị mất trộm tài sản như nội dung vụ án đã nêu. Ông T1, bà H không yêu cầu bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho L. Riêng, ông K mua máy cắt gạch cầm tay của L, thì không biết tài sản phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không lý do. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, người tham gia tố tụng không ý kiến. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tình tiết trong vụ án nên việc vắng mặt của người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về trách nhiệm hình sự: Ngày 12/11/2022, bị cáo L thừa nhận đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị H, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 250.000 đồng, số tiền này chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đối với việc bị cáo Nguyễn Thị Hương L là bị hại trong vụ án “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”, có 01 con chung là Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 12/10/2018 đã được xử lý trong vụ án khác.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người đã trưởng thành, khỏe mạnh, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân. Bị cáo thừa nhận và biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật, bởi bị cáo đã bị xử phạt tù về tội này nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội bằng việc lợi dụng sở hở của bị hại để lén lút lấy trộm tài sản của bị hại, điều này thể hiện bị cáo xem thường pháp luật và bất chấp tất cả để chiếm đoạt tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp người phạm tội tự thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Hương L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hương L2 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND Tp.Long Xuyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.L;
- Nhà tạm giữ Công an Tp.L;
- Người tham gia tố tụng trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam